

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	55%	0%				
1	142251476	ĐỖ KHÁNH	ĐÌNH	K15KMT	10				9		9		9.2	Chín phẩy Hai	
2	142251495	NGUYỄN THỊ KIM	HUẾ	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
3	142251543	HOÀN VĂN	QUÂN	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
4	151135155	BÙI VĂN	HIẾU	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
5	152145781	NGUYỄN ANH	TÚ	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
6	152253074	HUỶNH TẤN	HUY	K15KMT	8				7		7		7.2	Bảy phẩy Hai	
7	152253076	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
8	152253078	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
9	152253079	LÊ THỊ ÁNH	MINH	K15KMT	10				9		9		9.2	Chín phẩy Hai	
10	152253081	NGUYỄN THANH	NHỰT	K15KMT	9.5				8		8		8.3	Tám phẩy Ba	
11	152253082	HUỶNH VĂN ANH	VŨ	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
12	152253083	TRẦN QUỐC	HẢI	K15KMT	10				10		10		10.0	Mười	
13	152253084	TRẦN THỊ BÁ	LINH	K15KMT	9				8		8		8.2	Tám phẩy Hai	
14	152253085	LÊ QUANG	LINH	K15KMT	10				7.5		7.5		8.0	Tám	
15	152253086	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
16	152253087	HUỶNH VĂN	KHOA	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
17	152253089	NGUYỄN THỊ KHÁNH VI		K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
18	152253090	NGUYỄN ĐÔN	TÂN	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
19	152253091	VÕ THỊ XUÂN	VY	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
20	152253095	LÊ THẾ	BẢO	K15KMT	9				8		8		8.2	Tám phẩy Hai	
21	152253097	ĐỖ THÀNH	KIỂM	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
22	152253101	VÕ VĂN	ĐẠT	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
23	152253102	HOÀNG NỮ THÙY	LINH	K15KMT	10				8.5		8.5		8.8	Tám phẩy Tám	
24	152253105	LÊ THỊ KIỀU	OANH	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
25	152253107	ĐẶNG THỊ HOÀI	THANH	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
26	152253111	TRẦN KHÁNH	PHƯƠNG	K15KMT	9				7		7		7.4	Bảy phẩy Bốn	
27	152253112	NGUYỄN HỮU	LỘC	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
28	152253113	TRƯƠNG THỊ THANH	THÚY	K15KMT	10				9		9		9.2	Chín phẩy Hai	
29	152253116	LÊ THỊ BÍCH	SEN	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
30	152253120	NGUYỄN THANH	TÙNG	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
31	152253121	NGÔ HOÀNG	KHA	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
32	152253122	NGUYỄN THỊ	LÂM	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
33	152253123	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	K15KMT	10				10		10		10.0	Mười	
34	152253124	NGUYỄN HỮU QUỐC	ANH	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	

Thời gian :

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	55%	0%			
35	152253125	LÊ VĨNH MI SA	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
36	152253126	BÙI NGỌC KHÁNH	K15KMT	10				9		9		9.2	Chín phẩy Hai	
37	152253127	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
38	152253130	NGUYỄN NGỌC THÀNH	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
39	152253132	VÕ THỊ TÚ AN	K15KMT	10				9.5		9.5		9.6	Chín phẩy Sáu	
40	152253135	LÊ NGUYỄN TRÀ NHI	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
41	152253136	NGUYỄN THỊ KIM CHI	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
42	152255549	TRẦN BÁ DŨNG	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
43	152255550	ĐỖ NHẬT QUANG	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
44	152255552	NGUYỄN NỮ MAI LINH	K15KMT	10				7		7		7.6	Bảy phẩy Sáu	
45	152255763	NGUYỄN THỊ Ý NHI	K15KMT	10				9		9		9.2	Chín phẩy Hai	
46	152255838	ĐOÀN THỊ HẰNG	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
47	152255839	ĐINH NAM HUYỀN TRANG	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
48	152255911	PHAN QUỐC BÌNH	K15KMT	10				8		8		8.4	Tám phẩy Bốn	
49	152255912	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	K15KMT	10				7.5		7.5		8.0	Tám	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	49	100%	
2	Số sinh viên nợ	0	0%	
TỔNG CỘNG :		49	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 12/01/2012
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ MỸ DIỆU

TRẦN NHẬT TÂN

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ